

**CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2010

**NGHỊ ĐỊNH****Quy định về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực  
khoa học và công nghệ****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

**NGHỊ ĐỊNH:****Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hình thức, nội dung, thẩm quyền, trình tự, thủ tục hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Nghị định này không quy định về hình thức, nội dung, thẩm quyền, trình tự, thủ tục hợp tác, đầu tư với nước ngoài để thành lập trường đại học, học viện, trường cao đẳng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam hợp tác, đầu tư với nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

**Điều 3. Áp dụng pháp luật, điều ước quốc tế, pháp luật nước ngoài và tập quán quốc tế**

1. Hoạt động hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật Việt Nam về khoa học và công nghệ, về đầu tư và

các quy định khác của pháp luật; trường hợp hoạt động hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có tính chất đặc thù được quy định trong luật khác thì áp dụng quy định của luật đó.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có thể thỏa thuận hoặc đề nghị áp dụng pháp luật nước ngoài và tập quán quốc tế trong hoạt động hợp tác, đầu tư với Việt Nam trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nếu pháp luật nước ngoài, tập quán quốc tế đó không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

#### **Điều 4. Khuyến khích tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác, đầu tư phát triển khoa học và công nghệ**

1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác, đầu tư trong các lĩnh vực sau đây:

- a) Nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- b) Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa và cơ điện tử, năng lượng nguyên tử và các dạng năng lượng mới, công nghệ vũ trụ, công nghệ cơ khí - chế tạo máy, các công nghệ bảo quản và chế biến nông sản, thực phẩm, công nghệ xử lý chất thải;
- c) Đào tạo và phát triển nhân lực công nghệ cao;
- d) Phát triển doanh nghiệp công nghệ cao tại Việt Nam;
- đ) Chuyển giao công nghệ và dịch vụ khoa học và công nghệ;
- e) Lập hoặc đóng góp xây dựng các quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam trong một số lĩnh vực mà Việt Nam có nhu cầu.

#### **Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ**

1. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động khoa học và công nghệ, đầu tư, xuất bản, báo chí quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Đầu tư, Luật Xuất bản, Luật Báo chí.

2. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

## **Chương II**

### **HỢP TÁC VỚI NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 6. Hình thức hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ**

1. Viện trợ, tài trợ, biếu, hiến, tặng (sau đây gọi chung là tài trợ) để hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Hợp đồng khoa học và công nghệ.

3. Liên kết, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ với nước ngoài, bao gồm:

a) Tham gia tổ chức khoa học và công nghệ, hội khoa học và công nghệ;

b) Tham gia hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, hội nghị, hội thảo khoa học và công nghệ của tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

c) Tham gia các hoạt động hợp tác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở Việt Nam và ở nước ngoài.

4. Việc hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phải lập thành hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hợp tác (sau đây gọi chung là văn bản hợp tác).

Bộ Khoa học và Công nghệ quy định nguyên tắc, hình thức, nội dung của văn bản hợp tác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

#### **Điều 7. Tổ chức, cá nhân Việt Nam nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài từ nguồn hỗ trợ phát triển chính thức để hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài từ nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài để hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc nhận, quản lý và sử dụng tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này để hoạt động khoa học và công nghệ.

**Điều 8. Tổ chức, cá nhân Việt Nam tài trợ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài để hoạt động khoa học và công nghệ**

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc tài trợ của tổ chức, cá nhân Việt Nam cho tổ chức, cá nhân nước ngoài để hoạt động khoa học và công nghệ.

**Điều 9. Liên kết, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam được liên kết, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ với nước ngoài trong các lĩnh vực tổ chức, cá nhân Việt Nam được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam liên kết, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ với nước ngoài phải lập văn bản hợp tác và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 10 Nghị định này.

**Điều 10. Trình tự, thủ tục thực hiện hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ**

1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày ký văn bản hợp tác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, tổ chức, cá nhân Việt Nam thay mặt các bên gửi văn bản thông báo, kèm theo 01 bản sao văn bản hợp tác đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận văn bản thông báo và văn bản hợp tác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ:

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tiếp nhận các văn bản hợp tác của tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận các văn bản hợp tác của tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của địa phương.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra việc hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

**Điều 11. Hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ**

Tổ chức, cá nhân Việt Nam ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ với tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam về chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ.

### **Chương III**

## **ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **Mục 1**

## **ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI VIỆT NAM**

### **Điều 12. Các hình thức đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ**

#### **1. Đầu tư trực tiếp:**

a) Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ 100% vốn đầu tư nước ngoài;

b) Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ liên doanh giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.

#### **2. Đầu tư gián tiếp:**

Việc đầu tư gián tiếp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Điều 13. Điều kiện thành lập và thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài**

#### **1. Điều kiện thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài:**

a) Có Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về đầu tư cấp;

b) Có điều lệ hoạt động, trong đó quy định lĩnh vực hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Có đủ nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn thuộc lĩnh vực hoạt động;

d) Có trụ sở làm việc, cơ sở vật chất - kỹ thuật đủ khả năng triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, thử nghiệm, dịch vụ và các hoạt động khác phù hợp với điều lệ hoạt động của tổ chức và quy định của pháp luật Việt Nam;

đ) Có văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức đặt trụ sở chính chấp thuận việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ;

e) Bảo đảm yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật.